

Lời tựa 4: Vài Ba Chuyện Với Lão Hòa Thượng

(Dương Đại Dũng)

1. Lần đầu gặp gỡ và kết duyên

Khoảng năm Dân quốc thứ 42 - 43, do chiến loạn nên gia đình tôi mới chuyển đến Đài Loan. Mỗi khi đến ngày nghỉ, trong nhà lại có đồng hương, người thân và bạn bè tụ tập. Thời điểm ấy vật chất thiếu thốn, lòng người ủ rũ, mẹ tôi cũng chỉ tiếp đãi khách bằng trà thô cơm đạm. Không biết từ khi nào trong nhà xuất hiện một vị trưởng bối dáng gầy lả mạp, nhà tôi còn dành sẵn một căn phòng nhỏ cho ông, để ông có thể đến ở bất cứ lúc nào. Mẹ tôi gọi ba anh em chúng tôi đến và dặn dò: “Từ nay về sau, khi gặp tiên sinh Từ các con phải kính trọng thầy Từ như là thầy giáo.”

Thầy Từ chính là lão hòa thượng, thầy một mình theo quân đội đến Đài Loan. Thầy với cha tôi quen nhau ở Viện nghiên cứu thực tiễn của cách mạng ở Dương Minh Sơn, vốn là đồng hương Lư Giang nên hai người vô cùng thân thiết. Nhà tôi ở Sĩ Lâm cách nơi lão hòa thượng làm việc không xa. Cha tôi mời lão hòa thượng đến nhà tôi chơi vào những ngày nghỉ, nói rằng: “Ở đây thường có đồng hương và các bậc trưởng bối tụ họp, đều là người từ đại lục sang Đài Loan. Chón tha hương gặp lại người quen cũ, hỏi han nhau sức khỏe, cùng chuyện trò bày tỏ nỗi nhớ quê hương”. Điều này đã mở ra duyên phận kéo dài mấy chục năm giữa gia đình tôi và lão hòa thượng. Đặc biệt là bản thân tôi, ngoài sự tò mò đối với thầy Từ ra, còn có một sự ngưỡng mộ của người học trò đối với thầy và tình cảm của người con đối với cha.

Học trò non nớt chưa tỏ - Đại Dũng kính cẩn ghi.

2. Mưa dầm thấm lâu, sự dạy bảo không lời

Vào một ngày tháng nào đó năm Dân quốc thứ 45, ba anh em chúng tôi ở ngoài sân giành nhau một món đồ chơi, tranh cãi không ngừng xem ai là người sở hữu nó, ai là người được chơi trước. Đặc biệt là tôi, tuy là con thứ hai nhưng giọng to khí lớn, bắt nạt anh, chèn ép em, thái độ hống hách y như người chỉ huy. Tiếng cãi cọ làm kinh động đến thầy Từ đang đọc sách trong phòng. Thầy bước ra giải quyết phân tranh, hỏi rõ nguyên nhân tranh cãi, ba anh em mỗi người đều có lý lẽ riêng. Thật ra thầy đã nhìn thấu tâm tư của ba đứa nhóc nghịch ngợm chúng tôi, thầy

nói: “Thầy ra một đề bài, ai trả lời đúng trước thì được chơi trước, ba anh em hãy viết chữ ‘nhường’ ra cho thầy”. Vì khát khao được chơi quá mãnh liệt nên tôi viết xong chữ “nhường” trước nhất, sau đó đắc ý lấy đồ chơi đi. Thầy lại nói với anh trai và em trai: “Đại Dũng đã viết đúng trước, nên em ấy được chơi trước, hai con hãy nhường em ấy nhé!”

Anh trai và em trai đều im lặng. Rõ ràng là bất công nhưng phải làm theo vì bất đắc dĩ. Dụng ý của thầy là ở câu “Dung 4 tuổi, biết nhường lễ” trong Tam Tự Kinh, truyền thống của nhà Nho là lễ nghĩa, anh em hòa thuận, kính trọng thương yêu nhau. Thế nhưng khi đó vì sự ngu dốt vô tri và tham lam, nên tôi hoàn toàn không hiểu được. Tôi vẫn vui vẻ tự đắc, chẳng phải là “gặp việc nghĩa không nhường”, mà rõ ràng là “việc nên nhường lại không nhường”. Năm đó Đại Dũng tôi 6 tuổi đã học vỡ lòng biết chữ biết viết, anh trai Đại Vi lớn hơn tôi 2 tuổi, em trai Đại Trù 4 tuổi. Đến nhiều năm sau, tôi mới hiểu được dụng tâm tinh tế và độc đáo của thầy, mỗi khi anh em tụ họp thường nhắc lại chuyện hay tranh giành thuở nhỏ, chúng tôi vẫn trêu chọc nhau vì sự ngu ngốc không tự biết ngày ấy, lại càng nhớ đến và cảm niệm đức giáo hóa nhắc nhở của thầy năm xưa. Thì ra lùi một bước chính là đang tiến lên phía trước.

Học trò cố chấp không thay đổi - Đại Dũng tiếp tục ghi.

3. Từ bi hỷ xả, khoan dung vô lượng

Lão hòa thượng tạm trú ở nhà tôi vào khoảng năm Dân quốc thứ 43, đến năm 48, thầy quyết định xuống tóc xuất gia, thời gian đó khoảng từ 5 đến 6 năm, khi ấy tôi 4 đến 9 tuổi. Tính đến nay đã hơn 60 năm, có một số chuyện đã trở nên nhạt nhòa trong kí ức, nhưng có một số việc vẫn khắc sâu trong lòng. Mẹ tôi từng răn dạy ba anh em tôi rằng, khi thầy Từ ở nhà, chúng tôi không được nghịch ngợm làm ồn, gặp thầy phải lễ phép chào, gọi là thầy. Dù mẹ ân cần dặn dò, song ba anh em tôi vẫn đùa nghịch như cũ, dường như nếu không làm vậy thì không phải là đời sống của những kẻ trưởng thành. Trong ấn tượng của tôi, thầy là người có hành tung bất định, giống như rồng bay lượn, thấy đầu không thấy đuôi, có lúc thầy ở nhà, có lúc mấy ngày không xuất hiện, hoặc giả buổi sáng ở nhà, buổi chiều lại không thấy đâu. Điều này khiến tôi tò mò, cứ muồn đến gần hoặc len lén quan sát từng điều nhỏ nhặt trong cuộc sống thường ngày của thầy. Có lần tôi biết hôm nay thầy đang ở trong phòng,

bền nhẹ nhàng đẩy cửa lộ khe hở nhỏ, len lén nhìn vào trong, thầy đang đọc sách, thầy nói: “Đại Dũng đấy à!” Rồi nghiêng đầu ra hiệu cho tôi vào. Sau khi vào phòng và chào thầy, tôi thấy trong phòng bài trí rất đơn giản, sàn nhà trải chiếu tatami kiểu Nhật, chăn gối được xếp gọn gàng trên sàn, có một bàn một ghế, một cái tủ nhỏ đựng đồ, còn thấy được rất nhiều sách ở trong phòng. Thầy sống có kỷ luật, rất nghiêm khắc với chính mình, hiếm khi cùng người nhà tôi dùng bữa, hễ ở nhà là thầy lại miệt mài đọc sách, không ngừng tìm cầu tri thức và khám phá chân lý. Mẹ tôi từng nói với anh em tôi: “Thầy Từ đúng là người có học thức, mang phong thái của cổ nhân.”

Và cũng trong những năm này, thầy một lòng cầu học và thỉnh giáo nhà triết học lớn - giáo sư Phương Đông Mỹ, và nghe pháp từ vị thầy y chỉ - đại sư Chương Gia. Trong ký ức của tôi, thầy khiêm nhường lễ độ, lời nói ôn hòa, đối xử với hàng hậu bối như ba anh em tôi thì hiền hòa rộng lượng. Thầy sống rất giản dị, thường chỉ dùng bánh quy khô để qua cơn đói, cùng lắm là có thêm ly sữa, có lần bị tôi nhìn thấy, thầy còn chia phần bánh cho tôi. Từ đó tôi thường lui tới phòng thầy, và lần nào thầy cũng chia cho tôi vài miếng bánh; có những lúc thầy vắng nhà, nhưng vẫn cố ý để lại bánh trên bàn trong phòng, như thể dành sẵn cho đứa trẻ tham ăn trong nhà có thể tự lấy. Từ lâu, khi chưa xuất gia, thầy đã có tâm lòng chân thành vô biên; tuy bản thân không dư dả, nhưng thầy vẫn từ bi hỷ xả. Tô Thức từng nói: “Thường để dành cơm cho chuột”. Tôi chính là con chuột nhỏ đã lên ăn cơm đó.

Học trò bất tài ngoài cửa - Đại Dũng ghi chép lần thứ ba

Ghi chú thêm: nhiều năm sau đó, thầy kể lại rằng vì bản thân sống tiết kiệm nên số bánh quy đó là do nhờ bạn bè mà có được, có nguồn gốc từ hàng viện trợ của đoàn cổ vấn quân sự Mỹ tại Đài Loan.

4. Tiễn thầy mười dặm, rốt cuộc cũng phải biệt ly

Kỳ nghỉ hè năm Dân Quốc 48, tôi đã không gặp thầy trong một thời gian dài. Một buổi chiều nọ, cuối cùng tôi cũng thấy thầy trở về nhà. Thầy đang nói chuyện với mẹ tôi, nhưng lại mang theo hành lý đơn giản, có vẻ như lại chuẩn bị rời đi, tôi vội vàng bước tới chen ngang hỏi: “Thầy lại sắp đi nữa sao? Thầy đi đâu? Đi bao

lâu? Khi nào thầy sẽ trở về?” Một loạt câu hỏi vô lễ buột miệng thốt ra. Mẹ tôi đáp: “Thầy Từ hôm nay phải xuất gia rồi con”.

Khi đó tôi đâu hiểu xuất gia là cạo đầu, bước vào cửa không [của nhà Phật], cứ nghĩ xuất gia đúng như tên gọi nghĩa là “rời nhà đi xa”, trong lòng không muốn cảnh này xảy ra, trẻ con không thể hiểu được chuyện của người lớn, vội hỏi thầy: “Xuất gia có xa lắm không thầy? Con có thể đi cùng thầy được không?”

Thầy trả lời: “Ở Viên Sơn, không xa đâu, đi xe buýt vài trạm là tới. Con muốn đi cùng thầy thì có thể tự mình quay về Sĩ Lâm được không? Thầy không thể đưa con trở về!”

Nghe vậy, tôi mừng rỡ nhận lời và quay qua nhìn mẹ, mẹ khẽ gật đầu đồng ý. Nhờ vậy tôi có thời gian thân cận ở bên thầy nhiều hơn, tạo điều kiện để hai thầy trò nắm tay nhau, cùng đi trên con đường phàm tục dài mười dặm.

Chúng tôi xuống xe buýt ở trạm Viên Sơn. Thầy đi trước, tôi im lặng lẽo đẽo đi theo sau thầy, đi tầm 10 phút thì đến thiền tự Lâm Tế Hộ Quốc. Qua cổng chùa là một khoảng sân rộng, thầy vào bên trong nói chuyện với các vị tăng, còn tôi thì đứng đợi bên ngoài. Lòng tôi rối bời, chẳng buồn nhìn ngắm cảnh vật trong chùa. Không bao lâu sau, thầy trở ra, tôi theo thầy đi về phía tây nam của chùa, đến dưới một gác chuông cổ. Thầy nói: “Sau này thầy sẽ ở trên gác chuông này. Nếu con muốn đến thăm thầy, không cần hỏi ai cũng có thể tìm đến chỗ này.”

Sau đó thầy dặn tôi về sớm, khi nào có dịp thì lại đến, và cũng khuyên tôi gắng học hành và lập chí. Giây phút chia tay đầy quyến luyến, thầy dõi mắt nhìn tôi quay lưng bước đi. Tôi không bắt xe buýt mà cứ thế đi bộ về nhà, trên suốt quãng đường, trong đầu tôi cứ miên man suy nghĩ: “Xuất gia để làm gì? Tại sao phải xuất gia? Tại sao phải ở nơi vắng vẻ lạnh lẽo như thế? Tại sao phải sống một mình trong gác chuông? Mắt tôi cay xè, trong lòng nghi hoặc không sao lý giải được.

Học trò si mê bất giác – Đại Dũng ghi chép lần thứ tư

Phụ lục

1. Lại thăm thầy: gần một năm sau khi thầy xuất gia, tôi đã nhiều lần quay lại thăm thầy. Phần lớn đều được như nguyện, tôi leo cầu thang lên gác chuông, ngồi đối diện với thầy, chúng tôi nhìn nhau, nói rất ít. Tôi còn nhỏ nên không ngồi yên được lâu, ngồi khoảng mười mấy hai mươi phút là đã xin phép thầy xuống lầu. Mỗi

lần như vậy, tuy bản thân thầy cần kiệm khắc khổ nhưng vẫn vui vẻ cho tôi năm hào để làm lộ phí về. Năm đó giá vé xe buýt chỉ 1 hào, 5 hào có thể mua được hai lần sữa đậu nành, bánh nướng, bánh quây. Thầy đối xử với tôi có thể nói là quá rộng rãi và bao dung.

2. Góc chuông cổ: chiếc chuông ban đầu sớm đã được chuyển đến hành lang bên cạnh chánh điện. Nếu muốn lên gác chuông phải bắc thang gỗ mà leo, rồi mở một tấm ván nhỏ trên sàn gỗ để vào bên trong. Diện tích gác chuông khoảng hơn 6 mét vuông, được trải khoảng ba bốn tấm chiếu tatami, chỉ có một cái bàn thấp nhỏ, nơi thầy ngồi xếp bằng đọc sách. Cho đến lần cuối tôi đến thăm thầy, nhưng không gặp được, trèo thang, mở ván lên thì người đã đi, lầu trống không, lòng hụt hẫng tiếc nuối, tiếc cả 5 hào. Gác chuông là một công trình kiến trúc gỗ được xây dựng từ thời Nhật chiếm đóng, hiện nay phần nền đã được tu sửa lại không giống với năm đó. Chính phủ thành phố Đài Bắc đã công nhận đây là di tích cổ cần được bảo tồn.

3. Nhiều năm sau gặp lại thầy, tôi mới hiểu năm đó thầy rời thiền tự Lâm Tế là để dốc chí nghiên cứu kinh luận, hoằng pháp lợi sanh, và còn theo học nơi hội của lão nhân Tuyết Lư ở Đài Trung.

4. Vào mùa hè oi ả năm 2009, thầy từ Thang Trì, Lư Giang trở về; thầy tạm trú ở đường Vĩnh Công, Dương Minh Sơn. Thầy gọi điện dặn tôi ngày hôm sau lái xe cùng thầy quay trở lại thiền tự Lâm Tế. Nhóm cư sĩ niệm Phật trong chùa năm đó vẫn có vài vị cư sĩ cao tuổi quen thân với thầy, từ sớm đã dẫn nhóm niệm Phật và tứ chúng đứng đợi ở cổng chính để đón thầy, cảnh tượng thật trang nghiêm và ấm áp. Thầy niệm tình xưa, lại lần nữa về thăm nơi khởi đầu của con đường xuất gia 50 năm trước. Thầy vẫn đưa tôi theo cùng, điều này mang một ý nghĩa đặc biệt.

Tổ biên tập “Thân giáo của hòa thượng Tịnh Không”